

Số: *1656*/QĐ-UBND

Kiến Hưng, ngày *19* tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách
và phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIẾN HƯNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách Nhà nước, Luật quản lý, Luật sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai tài chính đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 13/11/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 4585/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán điều chỉnh chi ngân sách địa phương năm 2025 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân xã Kiến Hưng về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025 xã Kiến Hưng sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Hưng về việc giao dự toán điều chỉnh thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Kiến Hưng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025 xã Kiến Hưng sau sắp xếp.

(Chi tiết theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Sở Tài chính;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các phòng: Kinh tế, Văn hoá – xã hội;
- TT Phục vụ Hành chính công;
- VP HĐND-UBND xã;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Định



Biểu số 108/CK TC-NSNT

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 19 /11/2025 của UBND xã Kiên Hưng)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	139.870	TỔNG SỐ CHI	139.870
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.572	I. Chi đầu tư phát triển	0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	108	II. Chi thường xuyên	137.127
III. Thu bổ sung	138.190	III. Dự phòng	2.743
- Thu bổ sung cân đối	132.979		
- Thu bổ sung có mục tiêu	5.211		
IV. Thu chuyển nguồn			



Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của UBND xã Kiên Hưng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	139.870		139.870
	Trong đó	139.870		139.870
1	Chi giáo dục	72.489		72.489
	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-		
2	Chi y tế, DS KHHGĐ	5.227		5.227
3	Chi văn hóa, thông tin	1.119		1.119
4	Chi phát thanh, truyền thanh	432		432
5	Chi thể dục thể thao	156		156
6	Chi bảo vệ môi trường	2.105		2.105
7	Chi các hoạt động kinh tế	5.751		5.751
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	28.848		28.848
9	Chi cho công tác xã hội	17.392		17.392
10	Chi an ninh-quốc phòng	2.952		2.952
11	Chi khác	656		656
12	Dự phòng ngân sách	2.743		2.743
		-		



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KIẾN HƯNG

Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1659 QĐ-UBND ngày 19 /11/2025 của UBND xã Kiến Hưng)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		NSNN	NSX
1	2	3	4
	TỔNG THU	140.577	139.870
I	Các khoản thu 100%	1.022	1.022
1	Phí, lệ phí	92	92
2	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	630	630
3	Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	260	260
4	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
5	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
6	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
7	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
8	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
9	Thu khác	40	40
II	Cá khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.365	658
1	Các khoản thu phân chia	550	550
1.1	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
1.2	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
1.3	Lệ phí trước bạ nhà, đất	550	550
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	815	108
2.1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (chi tiết theo sắc thuế)		
2.2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý		
2.3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
2.4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (GTGT)	540	108
2.5	Thuế thu nhập cá nhân	275	
2.6	Thuế bảo vệ môi trường		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		